| | |
|---|---|
| UBND TỈNH NINH THUẬN<br>**SỞ NÔNG NGHIỆPVÀ PTNT** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 794 /BC-SNNPTNT | *Ninh Thuận, ngày 21 tháng 10 năm 2021* |

# BÁO CÁO

**Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được văn bản số 3607/STC-TTr ngày 07/10/2021 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021;

Trên cơ cở các đơn vị trực thuộc Sở báo cáo kết quả tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo kết quả, với những nội dung cụ thể như sau:

**I. Tình hình thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt triển khai thực hiện:

*1.1 Các văn bản chỉ đạo.*

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm,chống lãng phí; Thông tư số 188/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm,chống lãng phí; Quyết định số 2276 /QĐ-TTg ngày 31/12 //2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; Thực hiện Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Ninh Thuận năm 2021; Chương trình số 01/CTr-SNNPTNT ngày 02/02/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X, kỳ họp thứ 16 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 với chủ đề "Đoàn kết, tăng tốc, quyết tâm, hành động, hiệu quả". Tiếp tục thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế xã hội; phát huy tối đa tiềm năng lợi thế kinh tế biển, nông nghiệp đặc thù ứng dụng công nghệ cao, chú trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững gắn với đẩy mạnh đổi mới, cơ cấu lại nông nghiệp, tạo chuyển biến mạnh mẽ, hiệu quả.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện Sở tiếp tục triển khai đến các đơn vị tổ chức quán triệt và thực hiện các văn bản quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cụ thể như: Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; .... Sau khi Sở chỉ đạo, các đơn vị đã triển khai cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức trong toàn ngành. Cụ thể:

*1.2. Công tác tổ chức quán triệt, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;*

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền bằng văn bản sao gửi đến các đơn vị và thông qua tại các cuộc họp Chi bộ, cơ quan, giao ban định kỳ. Thủ trưởng các đơn vị phối hợp với BCH Công đoàn cơ sở tổ chức họp phổ biến, quán triệt đến tất cả cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị. Hàng năm ngành ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Nội dung tuyên truyền: Căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tuyên truyền; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm đưa việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực sự trở thành ý thức tự giác của mỗi người. Nhìn chung, các cấp Ủy Đảng trong toàn Ngành đều quán triệt, nhật thức đúng đắn và nghiêm túc thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, ra sức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đối tượng tham gia: Toàn thể Lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong toàn Sở được tham gia.

Định kỳ các đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là việc sử dụng ngân sách trong chi thường xuyên, mua sắm trang thiết bị, dự án đầu tư, tiến độ và thanh quyết toán trong xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

2. Công tác rà soát, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Ngành:

Hiện nay Sở đang thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận.

**II. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

*1. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:*

Thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày

21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Kinh phí tiết kiệm được trong toàn ngành thông qua khoán chi hành chính do đơn vị đã xây dựng phương án khoán chi phù hợp với tình hình thực tế.

*2. Về phương tiện đi lại:*

Trong năm 2021 không có đơn vị trang bị mới phương tiện đi lại phục vụ công tác.

*3. Tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng điện, điện thoại, Văn phòng phẩm, nhiên liệu, công tác phí, tiếp khách, hội nghị:*

Thực hiện Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021; Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 để tập trung kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Toàn ngành đã thực hiện tiết kiệm trong năm 2021, với tổng số tiền: 3.728.070.532 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi ngàn, năm trăm ba mươi hai đồng).

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/2009/CT-TTg ngày 2/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện tiết kiệm điện. Các đơn vị đã xây dựng quy chế Chi tiêu nội bộ và được thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức ngay từ đầu năm. Trong đó đã xây dựng được định mức tiết kiệm điện và đã triển khai đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, từ đó cán bộ công chức, viên chức luôn nêu cao ý thức trong việc sử dụng điện phục vụ công tác; Hết giờ làm việc đều phải tắt hết các thiết bị điện có sử dụng điện.

Trong năm 2021 do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp hầu hết các đơn vị sử dụng điện thoại, văn phòng phẩm, nhiên liệu, công tác phí, hội nghị, tiếp khách,... Trên tinh thần hết sức tiết kiệm để phòng chống dịch, các đơn vị khoán chi đến từng phòng, bộ phận chỉ sử dụng vào công việc của cơ quan, không có trường hợp nào sử dụng cho mục đích cá nhân.

*4. Tình hình tiết kiệm trong quá trình sử dụng trụ sở, quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên:*

Các đơn vị được giao nhiệm quản lý, sử dụng trụ sở, quản lý đất đai và tài nguyên thiên nhiên đều đảm bảo đúng mục đích, không sử dụng sai quy định dưới bất kỳ hình thức nào trong quản lý, sử dụng đất đai tài nguyên: Diện tích được giao các đơn vị quản lý sử dụng theo đúng mục đích, không có diện tích đất hoang hóa; Không có trường hợp khai thác tài nguyên không có giấy phép; Không có trường hợp vi phạm quy trình, quy phạm trong khai thác tài nguyên.

*5. Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu:*

Các đơn vị trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia như: Chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình xây

dựng nông thôn mới. Trong năm 2021 không có đơn vị nào sử dụng nguồn kinh phí được giao sai mục đích, nên không có đơn vị nào phải thu hồi kinh phí nộp trả ngân sách.

*6. Quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản:*

Sở tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện việc đầu tư dự án xây dựng cơ bản theo đúng quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng và kỹ thuật công trình, tuân thủ theo đúng thiết kế và dự toán được duyệt để thi công, nhằm tránh gây thất thoát và lãng phí nguồn vốn của Nhà nước; Triển khai thực hiện các dự án phải hoàn thành cả về chất lượng cũng như tiến độ của công trình và đảm bảo theo đúng nội dung, phương án của dự án đã được thẩm định, phê duyệt; Không để dự án kéo dài, sử dụng ngân sách bất hợp lý gây thất thoát, lãng phí.

*7. Về công tác thanh tra, kiểm tra tiết kiệm chống lãng phí:*

- Sở thường xuyên chỉ đạo các đơn vị báo cáo nội dung về tiết kiệm chống lãng phí đã thực hiện tại các đơn vị; Thông qua hình thức bằng văn bản gửi đến các đơn vị và báo cáo kịp thời về Sở theo đúng thời gian.

- Thủ trưởng các đơn vị phân công cho các trưởng bộ phận phối hợp Công đoàn cơ sở, Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trong năm 2021 không phát hiện có đơn vị nào vi phạm trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

*8. Về thực hiện các quy định về công khai trong các lĩnh vực quản lý:*

Toàn bộ các đơn vị trong Sở đã thực hiện việc công khai tài chính đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về số kinh phí được quyết toán năm trước và số dự toán năm nay; Hình thức, nội dung, thời gian công khai đều thực hiện theo đúng các quy định đó là thông qua cuộc họp Chi bộ, chuyên môn và thông báo bằng văn bản dán tại bảng thông báo của đơn vị. Công khai kịp thời các chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi chính đáng của cán bộ công chức, viên chức, người lao động: Như công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ, công tác thi đua khen thưởng, tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch hàng tháng, quý, năm của ngành.

*9. Về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng của cán bộ công chức, viên chức do đơn vị quản lý:*

Hầu hết cán bộ công chức, viên chức đã tự giác nghiên cứu để cụ thể hóa nội dung thực hành tiết kiệm chống lãng phí thành hành động cụ thể. Từ đó đề ra những giải pháp trước mắt và lâu dài để triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

*10.Về thực hiện trong tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính Phủ (biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp):* Trong năm 2021, toàn Sở thực hiện tinh giản 05 biên chế hành chính.

**III. Đánh giá chung:**

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị trong Sở thời gian qua đã có chuyển biến tích cực; Nhận thức và hành động của cán bộ công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước được nâng cao. Lãnh đạo các đơn vị đã xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của ngành, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn.

Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó cần tập trung: Học tập, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức để thực hiện có hiệu quả hơn; Rà soát, bổ sung các biện pháp về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị trực thuộc ngành; Bàn bạc dân chủ, công khai các hoạt động có liên quan đến tài chính của từng đơn vị; Tăng cường công tác tổ chức, kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh đối với cán bộ công chức, viên chức vi phạm luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời biểu dương khen thưởng đối với viên chức thực hiện tốt quy định về thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thường xuyên kiểm tra đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức trong Sở gương mẫu thực hiện tốt việc học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại: Một số đơn vị triển khai các văn bản, chỉ thị có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến với cán bộ công chức, viên chức còn chậm. Công tác báo cáo định kỳ một số đơn vị còn báo cáo chậm theo thời gian quy định.

**IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2022:**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả THTK CLP và tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về THTK CLP cả chiều rộng lẫn chiều sâu nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững chủ trương của Chính phủ về THTK CLP; từ đó tập trung chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả cao, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, phê phán, lên án các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí giúp cho việc triển khai Luật THTK CLP được thuận lợi;

Thường xuyên tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Luật THTK CLP trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, để đưa Luật THTK CLP đi vào cuộc sống; Đưa chương trình hành động của Chính phủ, chương trình THTK CLP của mỗi cấp, mỗi ngành và từng cơ quan, đơn vị đến từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc và THTK CLP;

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại các đơn vị trực thuộc. Nhằm phát hiện kịp thời những vi phạm và xử lý các trường hợp gây thất thoát, lãng phí.

Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng và cải cách hành chính

Đưa nội dung THTK CLP vào hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả thi đua hàng tháng trong toàn Sở. Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH NINH THUẬN

**Nguyễn Khắc Lâm**

***Nơi nhận:***
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- GĐ, PGĐ Nguyễn Khắc Lâm;
- Lưu VT, KH.
(HKT: 06b)

UBND TỈNH NINH THUẬN
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**Phụ lục số 02**

# KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2021

*(Kèm theo Báo cáo số: 794/BC-SNNPTNT ngày 21/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

| STT | Nội dung | ĐVT | Năm trước (năm 2020) | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So sánh | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TH/năm | TH/KH | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4(%) | 8=6/5(%) | 9 |
| **I** | **Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ** | | | | | | | |
| 1 | Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành | Văn bản | | | | | | |
| 2 | Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | Văn bản | | | | | | |
| 3 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | | | | | | |
| 4 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | Vụ | | | | | | |
| 5 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường | triệu đồng | | | | | | |
| **II** | **Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)** | | | | | | | |
| **1** | **Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN** | | | | | | | |
| 1.1 | Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức | triệu đồng | | | | | | |
| 1.2 | Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm) | triệu đồng | | - | - | | | |
| 1.3 | Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán | triệu đồng | | | | | | |
| 1.4 | Các nội dung khác | | | | | | | |
| **2** | **Sử dụng và thanh quyết toán NSNN** | | | | | | | |
| 2.1 | Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm: | | 105,4 | | 101,863 | 0,97 | | |
| | *- Tiết kiệm văn phòng phẩm* | *triệu đồng* | 6,9 | | 13,0 | 1,88 | | |
| | *- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc* | *triệu đồng* | 16,7 | | 10,0 | 0,60 | | |
| | *- Tiết kiệm sử dụng điện* | *triệu đồng* | 13,2 | | 7,4 | 0,56 | | |
| | *- Tiết kiệm xăng, dầu* | *triệu đồng* | 16,0 | | 26,063 | 1,63 | | |
| | *- Tiết kiệm nước sạch* | *triệu đồng* | 3,1 | | 9,4 | 3,03 | | |
| | *- Tiết kiệm công tác phí* | *triệu đồng* | 19,0 | | 7,0 | 0,37 | | |
| | *- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo* | *triệu đồng* | 2,0 | | - | - | | |
| | *- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm* | *triệu đồng* | 6,0 | | 6,0 | 1,00 | | |
| | *- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc* | *triệu đồng* | 22,5 | | 23,0 | 1,02 | | |
| 2.2 | Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy) | triệu đồng | | | | | | |
| a | Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi | triệu đồng | | | | | | |
| b | Kinh phí tiết kiệm được, gồm: | triệu đồng | | | | | | |
| | *- Thẩm định, phê duyệt dự toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thương thảo hợp đồng* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Các nội dung khác* | *triệu đồng* | | | | | | |
| 2.3 | Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức | triệu đồng | | | | | | |
| 2.4 | Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia | triệu đồng | | | | | | |
| 2.5 | Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ | triệu đồng | | | | | | |
| **3** | **Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ** | | | | | | | |
| 3.1 | Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN | đơn vị | | | | | | |

| STT | Nội dung | ĐVT | Năm trước (năm 2020) | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So sánh | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TH/Năm | TH/KH | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4(%) | 8=6/5(%) | 9 |
| 3.2 | Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được | đơn vị | | | | | | |
| 3.3 | Số tiền vi phạm đã phát hiện | triệu đồng | | | | | | |
| **4** | **Các nội dung khác** | | | | | | | |
| **III** | **Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước** | | | | | | | |
| **1** | **Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)** | | | | | | | |
| 1.1 | Số lượng xe đầu kỳ | chiếc | | | | | | |
| 1.2 | Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển) | chiếc | | | | | | |
| 1.3 | Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển) | chiếc | | 3 | 3 | | | Điều chuyển xe ô tô |
| 1.4 | Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ | chiếc | | | | | | |
| 1.5 | Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại | triệu đồng | | | | | | |
| **2** | **Tài sản khác** | | | | | | | |
| 2.1 | Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi | tài sản | | | | | | |
| 2.2 | Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được | tài sản | | | | | | |
| 2.3 | Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản | triệu đồng | | | | | | |
| **3** | **Các nội dung khác** | | | | | | | |
| **IV** | **Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng** | | | | | | | |
| **1** | **Trong đầu tư xây dựng** | | | | | | | |
| 1.1 | Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm | dự án | | | | | | |
| 1.2 | Số kinh phí tiết kiệm được | triệu đồng | | | | | | |
| | *- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thực hiện đầu tư, thi công* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| 1.3 | Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch | triệu đồng | | | | | | |
| 1.4 | Các dự án thực hiện chậm tiến độ | dự án | | | | | | |
| 1.5 | Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ | | | | | | | |
| | *Số lượng* | *dự án* | | | | | | |
| | *Giá trị đầu tư phải thanh toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| **2** | **Trụ sở làm việc** | | | | | | | |
| 2.1 | Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ | $m^2$ | | | | | | |
| 2.2 | Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển | $m^2$ | | | | | | |
| 2.3 | Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại | $m^2$ | | | | | | |
| 2.4 | Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ | $m^2$ | | | | | | |
| 2.5 | Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý | $m^2$ | | | | | | |
| 2.6 | Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được | triệu đồng | | | | | | |
| **3** | **Nhà công vụ** | | | | | | | |
| 3.1 | Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ | $m^2$ | | | | | | |
| 3.2 | Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển | $m^2$ | | | | | | |
| 3.3 | Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại | $m^2$ | | | | | | |
| 3.4 | Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ | $m^2$ | | | | | | |
| 3.5 | Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý | $m^2$ | | | | | | |
| 3.6 | Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ | triệu đồng | | | | | | |
| **4** | **Các nội dung khác** | | | | | | | |

| STT | Nội dung | ĐVT | Năm trước (năm 2020) | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So sánh | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TH/Năm [illegible] | TH/KH | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4(%) | 8=6/5(%) | 9 |
| V | **Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên** | | | | | | | |
| 1 | **Quản lý, sử dụng đất** | | | | | | | |
| 1.1 | Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật | $m^2$ | | | | | | |
| 1.2 | Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi | $m^2$ | | | | | | |
| 1.3 | Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được | triệu đồng | | | | | | |
| 1.4 | Các nội dung khác | | | | | | | |
| 2 | **Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác** | | | | | | | |
| 2.1 | Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên | vụ | | | | | | |
| 2.2 | Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được | triệu đồng | | | | | | |
| 3 | **Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được** | | | | | | | |
| 3.1 | Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng | dự án | | | | | | |
| 3.2 | Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt | triệu đồng | | | | | | |
| 3.3 | Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt | | | | | | | |
| 4 | **Các nội dung khác** | | | | | | | |
| VI | **Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước** | | | | | | | |
| 1 | **Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động** | vụ | | | | | | |
| 2 | **Số tiền xử lý vi phạm thu được** | triệu đồng | | | | | | |
| 3 | **Các nội dung khác** | | | | | | | |
| VII | **Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp** | | | | | | | |
| 1 | **Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh** | | | | | | | |
| 1.1 | Tiết kiệm nguyên, vật liệu | triệu đồng | | | | | | |
| 1.2 | Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng | | | | | | | |
| | *- Tiết kiệm điện* | *Kw/h* | | | | | | |
| | *- Tiết kiệm xăng, dầu* | *Tấn (lít)* | | | | | | |
| 1.3 | Tiết kiệm chi phí quản lý | triệu đồng | | | | | | |
| 1.4 | Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật | triệu đồng | | | | | | |
| 1.5 | Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ) | triệu đồng | | | | | | |
| 1.6 | Chi phí tiết giảm đã thực hiện | triệu đồng | | | | | | |
| 2 | **Quản lý đầu tư xây dựng** | | | | | | | |
| 2.1 | Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện | dự án | | | | | | |
| 2.2 | Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả | dự án | | | | | | |
| | Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm: | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thực hiện đầu tư, thi công* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán* | *triệu đồng* | | | | | | |
| 2.4 | Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn | | | | | | | |
| | *- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật* | *dự án* | | | | | | |
| | *- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật* | *triệu đồng* | | | | | | |
| 2.5 | Các nội dung khác | | | | | | | |
| 3 | **Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN** | | | | | | | |
| | *- Số tiền tiết kiệm được* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt* | *triệu đồng* | | | | | | |
| | *- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí* | *triệu đồng* | | | | | | |
| 4 | **Mua sắm tài sản, phương tiện** | | | | | | | |
| 4.1 | Mua sắm, trang bị xe ô tô con | | | | | | | |

| STT | Nội dung | ĐVT | Năm trước (năm 2020) | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So sánh | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | TH/Năm | TH/KH | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=6/4(%) | 8=6/5(%) | 9 |
| | Số lượng xe đầu kỳ | *chiếc* | | | | | | |
| | Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới) | *chiếc* | | | | | | |
| | Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ | *triệu đồng* | | | | | | |
| | Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng) | *triệu đồng* | | | | | | |
| | Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng | *triệu đồng* | | | | | | |
| 4.2 | Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ | | | | | | | |
| | Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ | *chiếc* | | | | | | |
| | Số tiền mua xe trang bị sai chế độ | *triệu đồng* | | | | | | |
| **5** | **Nợ phải thu khó đòi** | | | | | | | |
| | Số đầu kỳ | triệu đồng | | | | | | |
| | Số cuối kỳ | triệu đồng | | | | | | |
| **6** | **Vốn chủ sở hữu** | | | | | | | |
| | Số đầu năm | triệu đồng | | | | | | |
| | Số cuối kỳ | triệu đồng | | | | | | |
| **VIII** | **THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân** | | | | | | | |
| 1 | Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP | Lượt hộ | | | | | | |
| 2 | Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện | Vụ | | | | | | |
| **IX** | **Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP** | | | | | | | |
| 1 | Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện | Cuộc | | | | | | |
| 2 | Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành | Cuộc | | | | | | |
| 3 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP | Cơ quan/tổ chức/đơn vị | | | | | | |
| 4 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP | Cơ quan/tổ chức/đơn vị | | | | | | |
| 5 | Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát | triệu đồng | | | | | | |
| 6 | Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi | triệu đồng | | | | | | |

*** CHÚ THÍCH:**

1 Số liệu Báo cáo tổng hợp từ 01/01/2021 đến 30/6/2021.

2 Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương ứng trong cột (2) "Nội dung" và các cột tương ứng với kỳ báo cáo.

3 Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước